TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 28 - 5 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2018/TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ K, sinh năm 1971
Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị O.
Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K trình bày: Vào ngày 06/6/2017 bà cho bà Lê Thị O vay số tiền 30.000.000^{đ}, hẹn trả nợ vào ngày 06/6/2018 khi vay có ký giấy vay tiền, đến ngày 10/9/2017 bà O vay tiếp số tiền 10.000.000đ hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Quá hạn trả nợ, bà đòi nhiều lần bà O vẫn không trả nợ, bà K yêu cầu bà O phải trả cho bà số tiền nợ gốc của hai khoản là 40.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và tại phiên tòa bà K xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc

bà O phải trả số tiền gốc của khoản vay 30.000.000đ và tiền lãi chậm trả của khoản vay này từ ngày 07/6/2018 đến nay là 2.925.000đ.

Bị đơn bà Lê Thị O đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc nên không tiến hành làm việc được.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Bị đơn cư trú tại huyện K nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466; 468 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị O phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Lê Thị O đã được thông báo và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn bà K cho bà Lê Thị O vay tiền nhưng quá hạn không trả nợ, nguyên đơn khởi kiện đòi nợ, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Tổ dân phố X, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị O phải trả số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi chậm trả là 2.925.000đ, bà K giao nộp giấy mượn tiền bản gốc được xác lập ngày 06/6/2017, thể hiện việc bà Nguyễn Thị Lệ K cho bà Lê Thị O vay số tiền 30.000.000đ, hẹn ngày 06/6/2018 sẽ trả nợ, có chữ ký người mượn tiền là Lê Thị O. Quá trình giải

quyết vụ án, bị đơn cố tình trốn tránh không hợp tác làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Để có căn cứ giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn trong giấy mượn tiền.

Tại bản kết luận giám định số 17/CP09 ngày 13/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị O dưới mục "Người mượn tiền" trong giấy mượn tiền đề ngày 06 tháng 6 năm 2017 (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị O trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, là do cùng một người ký và viết ra".

Như vậy, có căn cứ kết luận vào ngày 06/6/2017 bà Lê Thị O vay số tiền 30.000.000đ của bà Nguyễn Thị Lệ K là có thật. Hợp đồng được ký kết giữa các bên có hiệu lực pháp luật, bà K đã giao tiền cho bà O vay, nhưng quá hạn trả nợ bà O không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của người vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bà K khởi kiện bà O để đòi nợ là có căn cứ, cần công nhận hợp đồng vay tài sản giữa các bên, buộc bà O phải trả nợ cho bà K số tiền nợ gốc là 30.000.000^{đ} là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả với số tiền 2.925.000đ từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 07/6/2018 đến nay. HĐXX thấy rằng, tại giấy mượn tiền ngày 06/6/2017 các bên có thỏa thuận bà K cho bà O vay số tiền 30.000.000đ, hẹn ngày 06/6/2018 sẽ trả nợ, nếu sai hẹn sẽ phải trả lãi suất theo thỏa thuận hai bên. Như vậy, hợp đồng vay tiền hai bên đã ký kết là hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không có lãi. Bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của nguyên đơn kể từ ngày 07/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2019 là {30.000.000đ x 10% năm x thời gian 11 tháng 21 ngày] = 2.925.000đ.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà K xin thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 10.000.000đ cho bà O vay ngày 10/9/2017. Việc nguyên đơn thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là tự nguyện, cần chấp nhận. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000^{đ}. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí giám định: Căn cứ khoản 1 Điều 160, khoản 1 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 BLTTDS. Kết quả trưng cầu giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị O phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền là 3.600.000đ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định 3.600.000đ. Bà K được nhận lại số tiền chi phí tạm ứng giám định đã nộp 3.600.000đ khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana thu được tiền chi phí giám định của bà Lê Thị O.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Lê Thị O phải chịu án phí DSST số tiền là 1.646.000đ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 160; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ K.

Công nhận hợp đồng vay tài sản được lập ngày 06/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị Lệ K và bà Lê Thị O.

Buộc bà Lê Thị O phải trả cho bà Nguyễn Thị Lệ K số tiền 32.925.000đ *(ba mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* trong đó: Nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi chậm trả là 2.925.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 10.000.000đ ngày 10/9/2017. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2/ Về chi phí giám định: Bà Lê Thị O phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Bà K được nhận lại số tiền 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) khi Chi cục thi hành án dân sự huyện K thu được tiền chi phí giám định của bà Lê Thị O.

3/ Về án phí:

Bà Lê Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.646.000đ (*Một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ K số tiền tạm ứng án phí 1.000.000^{đ} (*Một triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số: 9240 ngày 13 tháng 12 năm 2018.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên